TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Trịnh Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về " ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995, nơi cư trú: thôn 9, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Xuân T1, sinh năm 1991, nơi ĐKHKTT: xóm 11, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Hiện đang chấp Hnh án phạt tù tại Trại giam Th - Cục C10 - Bộ Công an, địa chỉ: xã X, huyện ThtHnh phố H Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T1 qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Q, huyện Thọ Xuân vào ngày 05/12/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh Pc, nhưng từ khoảng tháng 10 năm 2016 thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt và do anh T1 chơi bời, mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng khuyên bảo vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Đến tháng 2 năm 2017 anh T1 phạm tội và phải đi chấp Hnh án tù tại trại giam. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung giữa vợ chồng không còn và không thể Hn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Anh P, sinh ngày 20/10/2013; nguyện vọng của chị là xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2020 bị đơn là anh Đỗ Xuân T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh T1 và chị H qua tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Thọ Xuân ngày 05/12/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, tuy nhiên trong cuộc sống có những bất đồng quan điểm, chị H tính còn trẻ con, hay ghen tuông vô cớ. Từ ngày 01/3/2017 anh phải đi chấp Hnh án phạt tù đến nay tại trại giam Thanh Xuân. Anh T1 thấy tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, nhưng nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh T1 xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Anh P, sinh ngày 20/10/2013, hiện tại đang ở với chị H. Quan điểm của anh T1 là vì hiện tại anh đang phải đi chấp Hnh án tù trong trại giam, nên anh đồng ý để chị H được quyền nuôi con; sau này ra trại có điều kiện thì anh sẽ xin được nuôi con.

Về tài sản: anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đỗ Xuân T1. Về con chung: giao cháu Đỗ Anh P cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đỗ Xuân T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: không xem xét. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình; bị đơn là anh Đỗ Xuân T1, có hộ khẩu thường trú tại: xã Q, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (hiện tại anh T1 đang chấp Hnh án phạt tù tại Trại giam Thanh Xuân, huyện Thanh Oai, tHnh phố H Nội), nên xác định vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến Hnh xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Xuân T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2013, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, tuy nhiên sau đó từ khoảng tháng 10/2016 thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình và do không tin T1ởng nhau. Đến khoảng tháng 3/2017 anh T1 phải đi chấp Hnh án phạt tù tại trại giam do phạm tội hình sự, nên mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn. Qúa trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H từ chối hòa giải và một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2020 anh T1 thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có những bất đồng quan điểm, và có ý kiến nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đỗ Xuân T1.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Xuân T1 có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Anh P, sinh ngày 20/10/2013, hiện tại đang ở với chị H.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H thấy rằng: chị H hiện tại đang nuôi con chung và có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, trong khi anh T1 hiện đang phải đi chấp Hnh án phạt tù tại trại giam; hơn nữa anh T1 cũng có ý kiến đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị H không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Xuân T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đỗ Xuân T1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Xuân T1 có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Anh P, sinh ngày 20/10/2013.

Giao con chung là cháu Đỗ Anh P cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Xuân T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Xuân T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004774 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hnh án dân sự; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến